

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 13

Địa 6 : ĐỊA TAM MA HÝ ĐA 3

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông nên ưa thích chốn vắng lặng, siêng năng tu tập hạnh quán”. Nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha: Nghĩa là có thể xa lìa tâm tham vướng nơi ngoại cụ. Hoặc ở chốn vắng lặng, hoặc ngồi bên gốc cây, buộc niệm vào hiện tiền, cho đến nói rộng, gọi là ưa thích chốn vắng lặng. Nên biết câu này là hiển bày về thân xa lìa. Nếu có thể ở trong chín thứ trụ tâm, như vậy gọi là nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha. Nên biết câu này là hiển bày về tâm xa lìa. Nếu ưa thích ở nơi vắng lặng, nên có thể dẫn phát nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha. Nếu nội tâm an trụ nơi chánh Xa-ma-tha, nên có thể dẫn phát Tỳ-bát-xá-na. Nếu ở nơi Tỳ-bát-xá-na khéo tu tập rồi, tức có thể dẫn phát, ở trong các pháp biết rõ như thật”.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông, đối với Tam-ma-địa phải siêng năng tu tập vô lượng, luôn thuận theo, trụ nơi chánh niệm. Tức là, trước nêu tổng quát: Đối với Tam-ma-địa siêng năng tu tập rồi, sau đó dùng ba sự để hiển bày riêng về tướng tu tập.

Vô lượng: Nghĩa là bốn vô lượng.

Luôn thuận theo: Là thường có chỗ tạo tác, và đều thuận theo chỗ tạo tác nên gọi là luôn thuận theo.

An trụ nơi chánh niệm: Là hiển bày về bốn niệm trụ, an trụ nơi tâm ấy.

Vì sao nêu ba thứ tướng tu tập đó? Nghĩa là dựa vào hai thứ viên mãn:

- Một là viên mãn thế gian.
- Hai là viên mãn xuất thế gian.

Do tu vô lượng nên có thể dẫn phát việc viên mãn thế gian. Do tu

chánh niệm nên có thể dẫn phát viên mãn xuất thế gian. Luôn thuận theo tu tập, nên đối với hai thứ ấy mau được thông đạt, do nhân duyên này nên ở trong hai thứ viên mãn ấy để nêu bày. Vì vậy chỉ nói ba loại tướng tu tập.

Lại nữa, vô lượng là hiển bày nẻo tu tập Xa-ma-tha. Trụ nơi chánh niệm là hiển bày của tu tập Tỳ-bát-xá-na. Luôn thuận theo là hiển bày về hai nẻo tu tập ấy mau chóng chứng đạo.

Lại nữa, vô lượng là làm rõ hành hướng tới phước đức. Trụ nơi chánh niệm là làm rõ hành hướng đến Niết bàn. Luôn thuận theo là làm rõ hành hướng tới hai thứ kia mau chóng viên mãn. Trước, đối với Xa-ma-tha khéo tu tập rồi, sau mới được cùng hiện hành với Tỳ-bát-xá-na, tu hai thứ Tam-ma-địa ấy nên nhận biết rõ như thật về cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Người tu tĩnh lự, hoặc có đẳng trì thiện xảo, chẳng phải là đẳng chí thiện xảo, nói rộng như nơi kinh”. Tụng Ôn-Đà-Nam nêu: Thế nào là đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là đối với ba Tam-ma-địa không v.v... đạt được thiện xảo.

Thế nào gọi là không phải đẳng chí thiện xảo? Đó là đối với các đẳng chí thắng xứ, biến xứ, diệt tận không đạt được thiện xảo.

Thế nào là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là đối với mười thứ đẳng chí biến xứ và đẳng chí vô tướng, hoặc nhập hoặc xuất đều đạt được thiện xảo, không phải là đối với ba thứ Tam-ma-địa.

Thế nào là cùng đạt được thiện xảo? Tức là đối với cả hai loại đó cùng đạt thiện xảo?

Thế nào là cùng không đạt được thiện xảo? Tức là đối với cả hai loại đó đều cùng không đạt thiện xảo.

Như vậy, trong chỗ nói về đẳng trì đẳng chí ở trước, theo nẻo ứng hợp, nên khéo kiến lập.

Lại, nói đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo: Nghĩa là, đối với danh cú văn thân của đẳng trì khéo nhận biết chỗ sai biệt, không phải đối với các hành tướng trạng thái sai biệt để có thể nhập đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí thiện xảo, không phải là đẳng trì thiện xảo? Nghĩa là như có một hành giả khéo nhận biết về các hành tướng, trạng thái để có thể nhập theo một đẳng chí. Cũng có thể hiện nhập, nhưng không khéo nhận biết tướng sai biệt nơi danh cú văn thân của Tam-ma-địa ấy. Cũng không thể nhận biết ta đã được nhập đẳng trì sai biệt như

vậy như vậy.

Có các Bồ tát, tuy có thể nhập được hoặc trăm hoặc ngàn các Tam-ma-địa, nhưng không nhận biết rõ về danh cú văn thân của Tam-ma-địa ấy. Cũng không thể nhận biết ta đã được nhập các đẳng trì sai biệt như vậy như vậy, cho đến chưa từng ở chỗ của chư Phật được nghe, và đối với điều ấy đạt được cứu cánh bậc nhất. Ngay nơi chỗ của các Bồ tát, cũng chưa được nghe rõ, hoặc tự chứng đắc cứu cánh bậc nhất.

Thế nào là trụ? Tức là khéo giữ lấy các hành tướng, trạng thái để có thể nhập Tam-ma-địa. Do khéo giữ lấy chúng, nên tùy chỗ mong muốn có thể trụ nơi định, đối với Tam-ma-địa không còn thối thất. Như vậy, hoặc trụ nơi định hoặc không thối thất, cả hai cùng gọi là trụ.

Thế nào là xuất? Nghĩa là như có một hành giả, đối với các hành tướng, trạng thái để có thể nhập định, không tư duy nữa, ở nơi địa chẳng phải định phân biệt địa định thuộc về thể tướng không đồng với pháp cùng loại, tác ý tư duy, xuất nơi Tam-ma-địa, hoặc theo chỗ tạo nhân, hoặc định rõ chỗ tạo nhân, hoặc hẹn chỗ tạo nhân mà xuất định.

- Theo chỗ tạo nhân: Là tu trị các chỗ tạo nghiệp của y, bát v.v...

- Định rõ chỗ tạo nhân: Là ăn uống tiện lợi, phụng hành những chỗ tạo nghiệp của các bậc sư trưởng v.v...

- Hẹn chỗ tạo nhân: Nghĩa là như có một hành giả trước lập sự hẹn ước, hoặc chấp thuận là kẻ khác sẽ có chỗ tạo tác, hoặc lại vì muốn chuyển nhập định khác. Do nhân duyên ấy nên xuất Tam-ma-địa.

Những gì là hành? Nghĩa là như nơi đối tượng duyên tạo vô số hành mà nhập định. Tức là các hành: thô, tịch tĩnh, bệnh, ung nhọt, mũi tên, vô thường v.v... Hoặc là các hành hiện có ở trong các Tam-ma-địa ấy.

Những gì là trạng thái? Tức là vào lúc sắp nhập các định, liền có tướng trạng của định ấy dấy khởi trước. Do tướng trạng đó nên hành giả tự biết rõ ta ở nơi định có tướng như vậy như vậy không lâu nữa sẽ nhập. Hoặc lại chánh nhập, vị sư giáo thọ kia do trạng thái ấy cũng nhận biết rõ hành giả chẳng bao lâu nữa sẽ nhập nơi định, với tướng như vậy như vậy.

Những gì là tướng? Tức là hai thứ tướng:

1. Tướng của đối tượng duyên.
2. Tướng của nhân duyên.

- Tướng của đối tượng duyên: Là phân biệt về thể, do duyên nơi ấy nên có thể nhập các định.

- Tướng của nhân duyên: Là tư lương của định, do nhân duyên

này, nên có thể nhập các định. Nghĩa là tùy thuận chỗ dạy khuyên trao truyền về định, tích tập tư lương nơi đối tượng hành của các định, tu tập cùng hiện hành với tâm mong muốn chán lìa hữu ở nơi loạn, chẳng loạn đều xét kỹ, nhận biết rõ, và không bị kẻ khác bức nã, hoặc do người tạo tác, hoặc do hàng phi nhân gây tạo, hoặc do âm thanh gây tạo, hoặc do công dụng gây tạo.

Thế nào là điều hòa thiện? Nghĩa là, nếu Tam-ma-địa còn là chỗ chấp của hữu hành, như nước bị giữ lại. Hoặc là chỗ nắm bắt của pháp tánh, không tĩnh không diệu, không phải là đạo an ổn, cũng không phải là chứng đắc tâm tánh một cõi, Tam-ma-địa ấy gọi là không điều hòa thiện, không tùy chỗ ưa thích an ổn mà trụ. Cùng trái với trường hợp này gọi là điều hòa thiện.

Thế nào còn là chỗ nắm giữ của hành hữu? Tức do thệ nguyện cùng hiện hành với tư duy, nên điều phục ngoại duyên, giữ tâm nơi định. Lại, chính là do công dụng ở nơi tác ý mới có thể vận hành, không khiến nội tâm lưu tán nơi bên ngoài, nên nói như nước bị giữ lại.

Thế nào là chỗ nắm bắt của pháp tánh? Nghĩa là quán địa dưới là pháp tánh thô, quán địa trên là pháp tánh tinh, tịch tĩnh vi diệu, đắc đạo an ổn. Lại có thể chứng đắc tâm tánh một nẻo, như trong Tam-ma-địa năm Thánh trí đã giải thích tóm lược.

Thế nào là đối tượng hành? Tức là cảnh giới nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa. Do định đạt được, nếu vượt quá chỗ ấy trở lên thì không thể nhận biết. Như Tĩnh lự thứ nhất không thể quán thấy Tĩnh lự thứ hai. Như dung lượng của căn, dung lượng của sở thủ thú cũng không thể nhận biết.

Thế nào là dẫn phát? Tức có thể gồm thâu tóm lược nghĩa văn cú rộng khắp, cùng có thể thành tựu các công đức thù thắng.

Thế nào là cùng yêu thích? Nghĩa là có hổ thẹn, kính tin, chánh tư duy, chánh niệm, chánh tri, giữ căn, giữ giới và không hối, lạc là sau cùng. Do tùy thuận nơi lạc nên tâm liền được định. Trái với đây, gọi là không cùng yêu thích.

Thế nào là cùng yêu thích cũng không cùng yêu thích? Nghĩa là như có một hành giả, đối với các thứ hổ thẹn v.v... chỉ thành tựu một phần nhỏ, phần ít không thành tựu, tức có đủ hổ thẹn nhưng không ái kính, cho đến nói rộng.

Thế nào là tăng thêm? Tức là chỗ định đạt được, lại chuyển biến tăng trưởng.

Thế nào là giảm bớt? Tức là chỗ định đạt được trở lại thối

chuyển.

Thế nào là phương tiện? Là hướng đến hai nẻo chỉ, quán kia.

Lại, chỉ, cử xả, nên biết như trước trong phần tướng của chỉ, đã phân biệt đầy đủ.

Lại nữa, như phân biệt về tĩnh lực, kinh nói: Có người tu tĩnh lực, tức ở chỗ hưng phấn v.v... gọi đó là suy, cho đến nói rộng.

Ở đây có bốn chuyển, nên biết về hai thời điên đảo. Tức đối với Tam-ma-địa, hoặc lúc thối đạo, hoặc lúc thắng tiến. Hướng tới thối thất cùng thối thất, đều gọi là suy. Hướng đến nẻo thắng tiến, cùng với thắng tiến, đều gọi là hưng.

Thế nào gọi là nên biết nơi Tam-ma-địa, lúc thắng tiến là điên đảo? Hành giả cho là ta nay thối thất ly sanh hỷ lạc, ta nay thối thất Tam ma địa thù thắng? Tức người tu tập tĩnh lực, siêng năng hành trì, tâm hướng đến tịch tĩnh theo hành xả, nên từ Tĩnh lực thứ nhất nhập phần gần của Tĩnh lực thứ hai, nhưng sự việc này không khéo biết rõ, nơi bậc Tĩnh lực thứ nhất trong quả vị ấy, hỷ lạc đã vượt qua, còn trong bậc Tĩnh lực thứ hai, hỷ lạc vốn có vẫn chưa thể chứng đắc, liền khởi suy nghĩ: Hiện đang thối thất ly sanh hỷ lạc, bèn trở lại theo sự thối thất ấy thâm giữ lấy tâm. Nên biết người tu tĩnh lực như thế là tâm điên đảo.

Thế nào là nên biết nơi Tam-ma-địa, lúc thối chuyển, là điên đảo? Nghĩa là như có một hành giả chứng đắc Tĩnh lực thứ nhất, cho là Niết bàn, nên tích tập tư lương. Vị ấy, đối với Niết bàn, chỗ tu tập về tư lương đã được viên mãn. Do nhân duyên này, hoặc do công dụng, hoặc lại tự nhiên khởi tưởng như vậy, tác ý hiện tiền. Vì tác ý tưởng như thế, nên ở trong các sắc, cho đến trong thức đều nhận biết rõ chúng như bệnh cho đến vô ngã. Do tác ý tưởng như vậy, từ nhân không gián đoạn ấy, chỗ sanh hỷ lạc nơi định thế gian không hiện tiền nữa, liền suy nghĩ: Ta nay thối thất chỗ sanh lợi ích và chỗ nương dựa của định, bèn trở lại theo sự thối thất đó thâm giữ nơi tâm. Nên biết người tu tĩnh lực như vậy, đối với sự thối thất Tam-ma-địa, là điên đảo.

Thế nào là nên biết, đối với sự thối thất Tam-ma-địa không điên đảo? Nghĩa là như có một hành giả chứng đắc Tĩnh lực thứ nhất, liền sanh biết đủ, không cầu tiến lên quả vị trên, chỉ khởi ái vị. Vì khởi như thế nên dục cùng hiện hành với tác ý tưởng, bèn thành thối thất nơi định gần Dục giới. Vị ấy đối với sự suy này có thể biết rõ là suy. Do nhân duyên này nên biết là không điên đảo.

Lại, do phần định của Tĩnh lực đạt được tự đề cao mình, chê kẻ khác, cho là ta đạt được định của tĩnh lực này, chẳng phải là kẻ khác đạt

được. Vì dấy khởi như thế, nên dục cùng hiện hành với tác ý tưởng, mọi thứ ngăn che trói buộc hiện có càng thêm tăng, dày, bền từ định thối chuyển, vị ấy ở nơi suy này có thể biết rõ là suy.

Lại, do đem các định của tĩnh lự đạt được, hiển bày nơi kể khác, cho là các bậc quốc vương cùng vương thân v.v... nên cúng dường mình. Từ định khởi rồi, tìm xét sự việc ấy, do dục cùng hiện hành với tác ý tưởng như thế, nên mọi thứ ngăn che trói buộc hiện có càng thêm tăng, dày, phần còn lại như trước đã nói.

Nên biết người tu tĩnh lự như vậy, đối với sự thối thất Tam ma địa là không điên đảo. Nên biết về tướng của lần không điên đảo thứ hai là ngược lại với lần không điên đảo thứ nhất. Nên biết về tướng của hai lần không điên đảo ấy cũng ở nơi hai thời gian. Do dựa vào xứ điên đảo không điên đảo như vậy mà an lập bốn chuyển.

Lại nữa, như trong kinh phân biệt bốn định kiểm hành, do bốn thứ tướng nên xem xét về hành nơi tất cả Tam-ma-địa. Tức xem đẳng trì này là thuận phần thối chuyển, cho đến đây là thuận phần quyết trạch.

Thế nào là xem xét về hành? Tức xem đây là phần kém, đây là phần hơn, đây là phần thù thắng, đây là phần tối thắng, như thứ lớp của chúng. Đây lại là thế nào? Nghĩa là người tu tập định, từ tĩnh lự thứ 1, trở lại thối xuất rồi, đối với các tĩnh lự không vui thích nhập nữa, cũng không tư duy về hành, trạng, tướng, nhưng dục cùng hiện hành với tác ý các tướng thì luôn hiện tiền, như đã nói ở trước. Từ nơi định kia khởi rồi, theo niệm ái vị, nên lúc này người tu tĩnh lự phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của mình nay thành thối thất, thua kém.

Lại nữa, người tu định, từ nơi Tĩnh lự thứ nhất thối chuyển, xuất rồi được nghe chỉ dạy pháp thuận theo định ấy. Tức là các hành, tướng, trạng thái của Tĩnh lự thứ nhất, nên ân cần chu đáo khéo giữ lấy tướng, khiến cho chỗ định đạt được trụ vững không quên. Như vậy, theo niệm thuận nơi pháp của định, thành thuận phần trụ nên bấy giờ, phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành phần thắng, Tam-ma-địa của ta đã được an trụ, chẳng phải là thối, chẳng phải là tiến, chẳng phải là hưởng tới chỗ quyết trạch.

Lại nữa, người tu tĩnh lự, từ nơi Tĩnh lự thứ nhất trở lại thối xuất rồi, được nghe pháp dạy trao về sự tùy thuận nơi Tĩnh lự thứ hai. Đã được nghe rồi thì đạo Tĩnh lự thứ hai cùng hiện hành với tác ý các tướng, thường xuyên hiện tiền, nên lúc này phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành thù thắng, không thối không trụ, chỉ là thắng tiến, không phải là hưởng tới quyết định.

Lại nữa, người tu định, từ nơi Tĩnh lực thứ nhất trở lại thối xuất rồi, nghe giáo pháp tương ứng với tướng của Khổ đế v.v... Đã được nghe xong Khổ đế v.v... cùng hiện hành với tác ý các tướng thuận phần quyết trách, luôn luôn hiện tiền, nên bấy giờ phải tự xem xét về hành: Tam-ma-địa của ta đã thành tối thắng, không thối không trụ, cũng không thắng tiến, nhưng hưởng tới quyết trách.

Lại nữa, như kinh nói: Có nhãn (mắt) có sắc, cho đến có ý có pháp, nhưng các Bí-sô đối với những pháp này, hoặc thật hoặc có, đều không lãnh nhận, hãy còn không thọ nhận tướng, hưởng chi là vô tướng. Đây lại là thế nào?

Nghĩa là các Bí-sô, ở nơi Tĩnh lực thứ nhất, an trụ đầy đủ. Do nhân duyên ấy nên chán bỏ nhãn sắc cho đến ý pháp. Vì chán hoại nên uy lực bị đoạt mất, bèn ở trong nhãn không có tướng về nhãn - nhưng có tướng kia, cho đến đối với pháp không có tướng về pháp - nhưng có tướng kia. Thế nào là có tướng? Nghĩa là ở nơi nhãn v.v... tác ý tư duy là khổ là tập, hoặc là bệnh v.v... Vị ấy đối với các pháp không thọ nhận tự tướng, như vậy cho đến Vô sở hữu xứ. Ở đây chính là nói về tác ý vô lậu.

Thế nào gọi là không thọ nhận vô tướng? Là không tư duy về tất cả tướng, ở trong diệt tận tư duy về tịch tĩnh. Trong ấy ý nói lìa tướng về các tướng gọi là vô tướng.

Lại nói an trụ nơi định diệt tận: Là tất cả tướng đều không sanh khởi.

Lại nữa, như trong kinh nói bốn thứ hưởng tới đạo. Thế nào là an tọa trong các pháp, tư duy lựa chọn? Nghĩa là có Bí-sô, trước đã chứng đắc Tĩnh lực thứ nhất v.v... nhưng chưa kiến đế. Do nghe Chánh pháp cùng hiểu biết rộng, nên có thể an tọa, dựa nơi Tam-ma-địa đối với các đế như Khổ v.v... phát khởi hiện quán. Như thế là hành giả dựa vào tâm tăng thượng, tu tuệ tăng thượng.

Lại có Bí-sô, nhận biết đúng như thật về khổ, cho đến nhận biết về đạo, nhưng chưa chứng đắc Tĩnh lực thứ nhất v.v... Vị ấy liền an tọa, tư duy về các pháp. Như vậy là hành giả dựa nơi tuệ tăng thượng để tu tâm tăng thượng.

Hành giả thứ ba gọi là cùng chứng đắc, Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na cùng vận hành đan xen.

Hành giả thứ tư, trước đã chứng đắc Tĩnh lực thứ nhất v.v... nhưng chưa nghe Chánh pháp, chưa quen việc học rộng. Về sau, theo bậc Đại sư, hoặc ở chỗ các bậc tôn trưởng khác, nghe pháp kiến đế, hoặc lại được nghe pháp đoạn trừ kiết sử, do đấy được nhập hiện quán chân đế,

hoặc lại chứng đắc quả A-la-hán. Vị ấy đã chứng đắc chỗ dẫn phát xuất ly, nên vô cùng hoan hỷ. Do có thể chế ngự các tâm trạo cử, nên lại an tọa. An tọa như thế rồi, tâm trụ nơi đẳng chí của Tĩnh lực, đầu tiên là hướng tới đạo, dẫn phát kiến đạo. Lần thứ hai, thứ ba là dẫn phát tu đạo. Lần hướng tới đạo thứ bốn là cùng dẫn phát cả hai.

Lại nữa, như trong kinh nói: Có bốn tịnh thắng, để cầu đạt thanh tịnh thì đấy là tối thắng, nên gọi là tịnh thắng.

Thế nào là tịnh? Thế nào là thắng? Nghĩa là chỗ dẫn phát, chỗ chứng chỗ đắc về Giới v.v... hoặc viên mãn hoặc thâm nhận, đó gọi là tịnh. Phát khởi siêng năng tinh tấn chưa viên mãn khiến viên mãn, đó gọi là thắng.

Thế nào là Giới thâm nhận, viên mãn? Nghĩa là như có một hành giả tuy trụ nơi Giới đầy đủ, cũng có thể giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, nhưng ở trong phép tắc và chỗ hành trì chưa có thể đầy đủ, chưa đối với tội nhỏ thấy sợ hãi sâu xa, nên vị ấy ở nơi Giới chưa gọi là viên mãn. Nếu đối với tất cả thấy đều đầy đủ mới gọi là viên mãn. Như thế gọi là Giới viên mãn.

Hoặc nơi thời gian dài thường xuyên tu tập, nên nơi căn môn, khéo giữ gìn mà trụ, cho đến nói rộng, tức ở nơi Giới thâm tóm thành tự tánh của tự thể an trụ. Như vậy gọi là Giới thâm nhận.

Thế nào là Tam-ma-địa viên mãn? Tức nếu đã đạt được quả Gia hạnh cứu cánh hoặc Tĩnh lực thứ tư mới gọi là viên mãn. Dưới quả vị này đều chưa viên mãn.

Thế nào là Tam-ma-địa thâm nhận? Nghĩa là hành giả đã chứng đắc Tam-ma-địa, về sau đạt thanh tịnh. Lại, Tam-ma-địa không là chỗ nắm giữ của hữu hành, cho đến nói rộng.

Thế nào là chánh kiến viên mãn? Tức là nghe âm thanh của người khác, cùng tác ý như lý, nên chánh kiến được sanh. Do chánh kiến này, tuy có thể biết khổ, cho đến biết đạo, nhưng nếu chưa đúng như thật, cũng chưa được gọi là chánh kiến viên mãn. Nếu có thể đối với các đế, nhận biết rõ như thật, bấy giờ mới gọi là chánh kiến viên mãn.

Thế nào là chánh kiến thâm nhận? Nghĩa là nơi thời gian sau, các lậu đã hoàn toàn dứt hết, cho đến nói rộng.

Thế nào là giải thoát viên mãn? Nghĩa là nếu do trí kiến hữu học giải thoát các thứ tham v.v... thì chưa gọi là viên mãn. Nếu do trí kiến vô học đạt được giải thoát mới gọi là viên mãn.

Thế nào là giải thoát thâm nhận? Tức là, hoặc hành hoặc trụ thường không thối thất nơi hiện pháp lạc trụ. Như vậy gọi là giải thoát

thâu nhận.

Lại nữa, như kinh nói: Bí-sô tâm hành thanh tịnh, nơi mọi thời gian nên chánh tác ý tư duy về năm tướng, cho đến nói rộng. Theo phương tiện siêng tu tâm tăng thượng mới được gọi là tâm hành thanh tịnh. Các thứ tâm tư xấu ác bất thiện như dục v.v... cùng các tâm tư hiện có như thân thuộc v.v... đối với hành này đều có thể gây chướng ngại. Lược có ba loại Bồ-đặc-già-là do ba bậc tâm tư thượng trung hạ, nên hành giả có sai biệt.

Thứ nhất, do chánh tư duy về các tướng khác nên khiến cho tâm tư kia không còn hiện hành. Thứ hai, do thấy các lỗi lầm sâu nặng của tâm tư, hoặc lại không nhớ nghĩ, không tư duy, nên khiến cho tâm tư kia không còn hiện hành.

Thế nào là không nhớ nghĩ, không tư duy? Là do tâm khéo an trụ bên trong v.v... Bồ-đặc-già-la thứ ba: chẳng phải như loại thứ nhất, tức có thể khiến cho mọi tâm tư kia đều không hiện hành, mà chính là phải tạo phương tiện khiến hành của tâm tư dần dần mỏng, dứt. Thô đã diệt rồi, sẽ dần điều phục. Nếu vẫn chưa thể đối với nẻo hành của tâm tư, đối tượng duyên của tâm tư sanh khởi chán sợ sâu xa, thì nên dùng tâm cùng hiện hành với tâm tư kia, điều luyện, chế ngự. Ba loại Bồ-đặc-già-la như vậy được chia làm năm thứ.

Lại nữa, trong kinh Đãng Trần, Đức Thế Tôn nói: Nên như pháp nung luyện thành vàng ròng để nung luyện tâm, cho đến nói rộng. Những nghĩa như vậy thế nào là nên nhận biết? Tức nung luyện thành vàng ròng lược có ba thứ:

1. Nung luyện trừ cấu bẩn.
2. Nung luyện thâu nhận.
3. Nung luyện điều hợp..

Như trong tánh của vàng thành ra vàng ròng hiện có, trong phần vị chủng tánh, tâm hành thanh tịnh nên biết cũng như vậy, nghĩa là có thể thực hiện chứng đắc Niết bàn.

Hỏi: Từ quả vị nào được gọi là tâm hành thanh tịnh?

- Đáp: Từ quả vị đạt được tịnh tín, cầu xuất gia. Ở nơi bậc tại gia và xuất gia ấy, có ba thứ cấu uế thô, vừa, tế.

Về hàng tại gia, do hai thứ làm chướng ngại, khiến không xuất gia: Một là nghiệp bất thiện. Nghĩa là thường vui thích ở yên nơi thân ngữ hành ác. Hai là tà kiến, ác kiến: Tức là bài bác cho không có A-la-hán chân thực ở thế gian, chánh hạnh chánh chí. Tà kiến ác kiến ấy có thể làm chướng ngại đối với bậc đã đạt tịnh tín nêu trước. Các tâm tư

như dục v.v... gây chướng ngại cho hàng xuất gia, khiến họ không thể sanh tâm hỷ lạc. Các tâm tư như thân thuộc v.v... gây chướng ngại cho hỷ lạc, khiến hành giả không thể luôn tu pháp thiện. Do đoạn trừ tâm tư ấy nên thường xuyên tu pháp thiện, mau đạt được tâm thuần tịnh viên mãn, có tâm có tứ, như cát vàng lọc sạch, đó gọi là tâm nung luyện trừ cấu bần, cũng như vàng đã lọc sạch nhưng chưa nấu chảy. Nếu hành giả lại có thể dứt bỏ tâm tư, cho đến an trụ đầy đủ nơi Tĩnh lự thứ tư, đó gọi là tâm nung luyện thâm nhận, do có thể thâm nhận Tam-ma-địa không tâm không tứ, cũng như vàng đã sạch rồi được nấu chảy. Nếu Tam-ma-địa không là chỗ nắm giữ của hữu hành, cho đến nói rộng, đó gọi là tâm nung luyện điều hợp. Ở nơi pháp thần thông, theo chỗ mong muốn, có thể chuyển biến, như vàng đã sạch đã được tinh luyện rồi, lại sửa trị những chỗ còn xấu như tỳ vết, kẽ nứt v.v...

Lại nữa, như kinh nói: Nên ở nơi ba tướng, tác ý tư duy, cho đến nói rộng. Nên trong mọi thời gian tác ý tư duy về tướng sai biệt của Xa-ma-tha, chẳng nên hoàn toàn chỉ nhằm đối trị hôn trầm, trạo cử. Hoặc ở nơi việc ngăn dứt trạo cử chưa tu tập thường xuyên, chỉ tu một hướng là tướng hôn trầm, trạo cử. Nên biết, người tu như thế là trụ nơi quả vị của đạo phương tiện. Nếu trong mọi thời gian tư duy về tướng xả, như thế là ở nơi quả vị của đạo thành mãn. Cũng do đối với các pháp ấy chỉ tu một hướng nên ở trong pháp Duyên khởi và Thánh đế không xét chọn, tâm không chánh định, không dứt hết các lậu. Đối với các đế nếu chưa hiện quán thì không thể hiện quán, hoặc đã hiện quán thì không thể diệt sạch các lậu. Hai loại đầu, là đạo có thể thành tựu đầy đủ Tam-ma-địa. Một loại thứ ba, là đạo dựa nơi Tam-ma-địa diệt hết các lậu. Đó gọi là lược hiển bày về nghĩa chính yếu ở đây, tức nơi mọi thời gian tác ý tư duy hiện bày khắp tất cả.

Lại nữa, có bốn pháp chính thâm giữ Thánh giáo. Những gì là bốn? Đó là:

1. Xa lìa.
2. Tu tập.
3. Tu quả.
4. Ở trong Thánh giáo không có tranh chấp, chống trái.

Xa lìa: Là ở nơi chốn núi rừng, bên gốc cây, nơi tĩnh thất, chốn vắng lặng.

- Tu tập: Là trụ nơi các chốn ấy, siêng năng tu tập hai pháp là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

- Thế nào là đã tu tập Xa ma tha, dựa nơi Tỳ-bát-xá-na mà được

giải thoát? Nghĩa là, như có một hành giả trước đã đạt được Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư. Vị ấy tức dựa nơi Tam-ma-địa này, nhận biết như thật về Khổ, cho đến nhận biết về Đạo. Vị ấy tức dựa nơi Tỳ bát xá na này, đối với các phiền não do kiến đạo đoạn, tâm được giải thoát.

Thế nào là đã tu tập Tỳ-bát-xá-na này, dựa nơi Xa-ma-tha, tâm được giải thoát? Nghĩa là như có một hành giả, nhận biết như thật về Khổ, cho đến nhận biết về Đạo, vị ấy dựa nơi tuệ tăng thượng như vậy, phát sanh tĩnh lự, tức do Xa ma tha như vậy, nên đối với các phiền não do tu đạo đoạn trừ, tâm được giải thoát. Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na như thế rồi, ở trong pháp giới đạt được giải thoát. Các hành đoạn của kiến đạo đoạn trừ gọi là cảnh giới đoạn. Những hành đoạn của tu đạo đoạn trừ gọi là liả cảnh giới dục. Hết thấy mọi thứ chấp trước đều vĩnh viễn diệt, nên gọi là cảnh giới diệt đó gọi là tu quả.

Ở trong Thánh giáo không có tranh chấp, chống trái: Đó là bậc Đại sư cùng các vị đệ tử, hoặc nghĩa, hoặc câu, hoặc văn, nơi nghĩa của văn cú đều bình đẳng thâm nhận, thấm nhuần, luôn hỗ tương tùy thuận. Không phải như dị đạo nêu bày kiến giải đủ loại chẳng phải một, sai biệt chẳng đồng. Câu thứ nhất: Đó là câu trước. Nếu đem câu này hỏi nơi lần thứ nhất, tức dùng câu này hỏi lần thứ hai. Giả như lần thứ nhất, dựa nơi uẩn để hỏi, lại nơi lần thứ hai dựa vào pháp khác để hỏi, nên không được gọi là cùng với câu thứ nhất bình đẳng thâm nhận thấm nhuần, hỗ tương tùy thuận.